TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **1194**/2026/DS- ST
Ngày: 31- 3- 2026
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X – THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc N

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Hồng P

2. Ông Thái Hoàn X

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nguyên K- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực X- Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực X tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị H- Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại Tòa án nhân dân Khu vực X- Thành phố H (cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 2345/2025/DSST ngày 19/12/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 270/2026/QĐXXST- DS ngày 25/3/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S,

Địa chỉ trụ sở: C P, phường B, Thành phố H,

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hà Bảo T,

(có mặt tại phiên tòa);

2. Bị đơn: Bà Trần Đình Nguyễn Thúy Ngọc V, sinh năm xxxx,

CCCD số 096192xxxx64 cấp ngày xx/xx/xxxx,

Địa chỉ thường trú: xx H, Phường x, quận T (nay là phường T), Thành phố H.

(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hà Bảo T trình bày:

Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh B (gọi tắt là Ngân hàng) và bà Trần Đình Nguyễn Thúy Ngọc V ký kết Hợp đồng tín dụng số 0110/2024/HĐTDTL-CN ngày 15/7/2024, theo đó Ngân hàng đã cấp tín dụng cho Bà V theo Giấy nhận nợ số 0110/2024/GNNTL-CN ngày 15/7/2024 với nội dung chính như sau: Số tiền vay: 7.000.000.000 đồng (Bảy tỷ đồng), Thời hạn cho vay : Kể từ ngày 16/7/2024 đến ngày 15/7/2025, Mục đích sử dụng vốn vay: Hoàn thanh toán tiền nhận chuyển nhượng bất động sản.

Tài sản bảo đảm nợ vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 0110/HĐBĐ-2024 ngày 15/7/2024 là: Quyền sử dụng 1.000 m2 đất (Trong đó: đất ở tại nông thôn: 989,8 m2 và đất trồng cây lâu năm: 10,2 m^2) tọa lạc tại thửa đất số: 519, tờ bản đồ số: 70, địa chỉ thửa đất: xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi (nay là: xã Nhuận Đức), Thành phố H do bà Trần Đình Nguyễn Thúy Ngọc V đứng tên trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành: CD 980013, số vào sổ cấp GCN: CH04223, do Ủy ban Nhân dân huyện Củ Chi cấp ngày 01/6/2016, đăng ký thay đổi biến động ngày 12/7/2024. Hợp đồng thế chấp này được công chứng theo số công chứng: 002923, ngày 15/7/2024, của Văn phòng Công chứng Ngô Đức Nhàn và đã được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện Củ Chi, Thành phố H chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 15/7/2024.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, kể từ khi giải ngân tiền vay (ngày 15/7/2024) cho đến ngày 26/8/2024, bà Trần Đình Nguyễn Thúy Ngọc V thanh toán đầy đủ nợ lãi cho Ngân hàng với tổng số tiền là 60.411.804 đồng. Tuy nhiên, kể từ kỳ hạn lãi tháng 9/2024 đến nay, bà Trần Đình Nguyễn Thúy Ngọc V đã không thanh toán nợ lãi quá hạn cho Ngân hàng. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu Bà V thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ lãi quá hạn nhưng Bà V vẫn không thực hiện. Do Bà V vi phạm thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, nên căn cứ vào Tiết b Điểm 6.2.1 và tiết c Điểm 6.2.2 khoản 6.2 Điều 6 và Điểm 8.1.7 Khoản 8.1 và Điểm 8.2.4 Khoản 8.2 Điều 8 của Hợp đồng tín dụng nêu trên, ngày 10/6/2025, Ngân hàng đã gửi thông báo chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ gốc của bà Trần Đình Nguyễn Thúy Ngọc V tại Ngân hàng.

Tạm tính đến hết ngày 31/3/2026, dư nợ vay của bà Trần Đình Nguyễn Thúy Ngọc V tại Ngân hàng TMCP S như sau: Nợ gốc quá hạn: 7.000.000.000 đồng; Lãi vay trong hạn: 500.892.306 đồng; Lãi chậm trả đối với nợ lãi: 56.129.968 đồng; Lãi chậm trả đối với nợ gốc quá hạn: 803.465.754 đồng; tổng cộng: 8.360.488.028 đồng (Tám tỷ, ba trăm sáu mươi triệu, bốn trăm tám mươi tám ngàn, không trăm hai mươi tám đồng).

Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà Trần Đình Nguyễn Thúy Ngọc V phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền nêu trên, ngoài ra, kể từ ngày 01/4/2026, bà Trần Đình Nguyễn Thúy Ngọc V phải tiếp tục trả lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0110/2024/HĐTDTL-CN ngày 15/7/2024 và Giấy nhận nợ số 0110/2024/GNNTL-CN ngày 15/7/2024 cho đến khi bà Trần Đình Nguyễn Thúy Ngọc V thanh toán hết nợ vay cho Ngân hàng TMCP S.

Trường hợp bà Trần Đình Nguyễn Thúy Ngọc V không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP S được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 0110/HĐBĐ-2024 ngày 15/7/2024 để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP S.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản bảo đảm nêu trên không đủ thanh toán hết nợ vay tại Ngân hàng thì bà Trần Đình Nguyễn Thúy Ngọc V vẫn tiếp tục nghĩa vụ trả hết nợ vay còn thiếu cho Ngân hàng TMCP S.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/3/2026, bị đơn bà Trần Đình Nguyễn Thúy Ngọc V trình bày:

Bà xác nhận bà và Ngân hàng TMCP S- Chi nhánh B có ký Hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ, Hợp đồng thế chấp để vay số tiền gốc 7.000.000.000 đồng và thế chấp tài sản bảo đảm khoản vay như nội dung phía Ngân hàng trình bày là đúng.

Do bà hiện đang chấp hành án tù tại Trại giam Long Hòa nên không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng nên bà đồng ý để Ngân hàng tiến hành thủ tục phát mại tài sản thế chấp thu hồi nợ cho Ngân hàng, đồng thời, bà không thể tham gia các buổi làm việc của Tòa án nên bà xin vắng mặt các buổi làm việc của Tòa án, kể cả hòa giải và xét xử. Ngoài ra bà không ý kiến, yêu cầu gì khác trong vụ án này.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà Trần Đình Nguyễn Thúy Ngọc V xin vắng mặt và không có ý kiến, yêu cầu bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực X, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên có vi phạm về thời hạn giao hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử

sơ thẩm vụ án. Tuy nhiên, Tòa án chưa thực hiện đúng quy định về thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu tại Khoản 2 Điều 220 BLTTDS. Vi phạm này không ảnh hưởng đến tính khách quan, toàn diện trong quá trình giải quyết vụ án dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 147; Điều 273; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 100, Điền 103 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn; về án phí : Bị đơn phải chịu và tính theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S yêu cầu bị đơn bà Trần Đình Nguyễn Thúy Ngọc V thanh toán tiền nợ tín dụng, Hội đồng xét xử xác định đây là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự", cụ thể là tranh chấp Hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại Điều 13 Hợp đồng tín dụng số 0110/2024/HĐTDTL-CN ngày 15/7/2024, hai bên thỏa thuận *"... các bên có quyền yêu cầu Tòa án nơi có trụ sở của Ngân hàng TMCP S nơi cho vay (hội sở hoặc chi nhánh) hoặc Tòa án nơi thực hiện hợp đồng giải quyết"*, nay Nguyên đơn yêu cầu Tòa án nơi có địa chỉ trụ sở của chi nhánh là Ngân hàng TMCP C- Chi nhánh B, địa chỉ xx A, phường A, Thành phố H, đồng thời là nơi thực hiện hợp đồng để giải quyết vụ án là phù hợp theo thỏa thuận của các bên và đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b, g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực X, Thành phố H;

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S, người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hà Bảo T có mặt tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Đình Nguyễn Thúy Ngọc V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu bị đơn bà Trần Đình Nguyễn Thúy Ngọc V thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 0110/2024/HĐTDTL-CN ngày 15/7/2024 và Giấy nhận nợ số 0110/2024/GNNTL-CN ngày 15/7/2024, tạm tính đến ngày 31/3/2026 là: 8.360.488.028 đồng (Tám tỷ, ba trăm sáu mươi triệu, bốn trăm tám mươi tám ngàn, không trăm hai mươi tám đồng), trong đó gồm: Nợ gốc quá hạn: 7.000.000.000 đồng; Lãi vay trong hạn: 500.892.306 đồng; Lãi chậm trả đối với nợ lãi: 56.129.968 đồng; Lãi chậm trả đối với nợ gốc quá hạn: 803.465.754 đồng.

Bị đơn bà Trần Đình Nguyễn Thúy Ngọc V xác nhận bà và Ngân hàng TMCP S- Chi nhánh B có ký Hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ như trên để vay số tiền gốc 7.000.000.000 đồng, hiện bà đang chấp hành án tù tại Trại giam Long Hòa nên không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng nên bà đồng ý để Ngân hàng tiến hành thủ tục phát mại tài sản thế chấp thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Như vậy, hai bên xác nhận có ký kết Hợp đồng tín dụng số 0110/2024/HĐTDTL-CN ngày 15/7/2024 và Giấy nhận nợ số 0110/2024/GNNTL-CN ngày 15/7/2024, Ngân hàng đã cấp tín dụng cho Bà V số tiền vay gốc 7.000.000.000 (bảy tỷ) đồng, việc giao kết các hợp đồng này giữa các bên là tự nguyện, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực từ thời điểm giao kết hợp đồng theo quy định tại các Điều 385, 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu Bà V thanh toán tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 31/3/2026 là 8.360.488.028 đồng (Tám tỷ, ba trăm sáu mươi triệu, bốn trăm tám mươi tám ngàn, không trăm hai mươi tám đồng), trong đó gồm: Nợ gốc quá hạn: 7.000.000.000 đồng; Lãi vay trong hạn: 500.892.306 đồng; Lãi chậm trả đối với nợ lãi: 56.129.968 đồng; Lãi chậm trả đối với nợ gốc quá hạn: 803.465.754 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 100, 103 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024.

[2.2] Về yêu cầu trong trường hợp, bà Trần Đình Nguyễn Thúy Ngọc V không thanh toán nợ hoặc thanh toán nợ không đầy đủ, Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại Tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 0110/HĐBĐ-2024 ngày 15/7/2024 để thu hồi nợ cho Ngân hàng, đối với tai sản là: Quyền sử dụng 1.000 m^2 đất (Trong đó: đất ở tại nông thôn: 989,8 m^2 và đất trồng cây lâu năm: 10,2 m^2) tọa lạc tại thửa đất số: 519, tờ bản đồ số: 70, địa chỉ thửa đất: xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi (nay là: xã Nhuận Đức), Thành phố H do bà Trần Đình Nguyễn Thúy Ngọc V đứng tên trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành: CD 980013, số vào sổ cấp GCN: CH04223, do Ủy ban Nhân dân huyện Củ Chi cấp ngày 01/6/2016

là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 294, 295, 299, 317 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3] Về yêu cầu bà Trần Đình Nguyễn Thúy Ngọc V còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các văn bản liên quan do hai bên ký kết, tính kể từ ngày 01/4/2026 cho đến ngày bà Trần Đình Nguyễn Thúy Ngọc V trả hết nợ gốc là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại 2 Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân Khu vực X, Thành phố H phù hợp quy định pháp luật và có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Trần Đình Nguyễn Thúy Ngọc V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên toàn bộ số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UB Thường vụ Quốc hội.

Hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b, g khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025);

Áp dụng:

- Các Điều 294, 295, 299, 317, 385, 401, 463, 466 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 100, 103 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Khoản 2 Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

1.1. Buộc bà Trần Đình Nguyễn Thúy Ngọc V có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 0110/2024/HĐTDTL-CN ngày 15/7/2024 và Giấy nhận nợ số 0110/2024/GNNTL-CN ngày 15/7/2024, tạm tính đến ngày 31/3/2026 là 8.360.488.028 đồng (Tám tỷ, ba trăm sáu mươi triệu, bốn trăm tám mươi tám ngàn, không trăm hai mươi tám đồng), trong đó gồm: Nợ gốc quá hạn: 7.000.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 500.892.306 đồng; Lãi quá hạn: 803.465.754 đồng; Lãi chậm trả đối với nợ lãi: 56.129.968 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 01/4/2026, bà Trần Đình Nguyễn Thúy Ngọc V còn phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0110/2024/HĐTDTL-CN ngày 15/7/2024 và Giấy nhận nợ số 0110/2024/GNNTL-CN ngày 15/7/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

1.2 Thời hạn và phương thức thanh toán: Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.3. Trường hợp bà Trần Đình Nguyễn Thúy Ngọc V thanh toán xong các khoản nợ nêu trên, Ngân hàng TMCP S có nghĩa vụ làm thủ tục giải chấp và trả lại cho Trần Đình Nguyễn Thúy Ngọc V các giấy tờ liên quan tài sản thế chấp ghi trong hợp đồng thế chấp do hai bên ký kết.

1.4. Trường hợp bà Trần Đình Nguyễn Thúy Ngọc V không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ theo thỏa thuận trên thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp đảm bảo để thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP S theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 0110/HĐBĐ-2024 ngày 15/7/2024 đối với tài sản là: Quyền sử dụng 1.000 m^2 đất (Trong đó: đất ở tại nông thôn: 989,8 m^2 và đất trồng cây lâu năm: 10,2 m^2) tọa lạc tại thửa đất số: 519, tờ bản đồ số: 70, địa chỉ thửa đất: xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi (nay là: xã Nhuận Đức), Thành phố H do bà Trần Đình Nguyễn Thúy Ngọc V đứng tên trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành: CD 980013, số vào sổ cấp GCN: CH04223, do Ủy ban Nhân dân huyện Củ Chi cấp ngày 01/6/2016.

1.5. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 10.000.000 (mười triệu) đồng do bà Trần Đình Nguyễn Thúy Ngọc V chịu và có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bị đơn bà Trần Đình Nguyễn Thúy Ngọc V phải chịu số tiền là 116.360.488 (một trăm mười sáu triệu ba trăm sáu mươi ngàn bốn trăm tám mươi tám) đồng.

2.2. Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 57.806.258 đồng (năm mươi bảy triệu tám trăm lẻ sáu ngàn hai trăm năm mươi tám đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0049691 ngày 15/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.H;
- VKSND Khu vực X;
- THADS Tp. H;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc N